TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 414/2024/HC-PT
Ngày 30 tháng 7 năm 2024
"V/v khiếu kiện yêu cầu huỷ quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Điền;
Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 121/2024/TLPT-HC ngày 28 tháng 3 năm 2024 về "Khiếu kiện yêu cầu huỷ quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai". Do bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7397/2024/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Vũ Văn L, sinh năm 1970; địa chỉ: Tổ dân phố G, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số D đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; có mặt.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.
2. Bà Nguyễn Thị Lan A, sinh năm 1975; vắng mặt.
3. Cháu Vũ Thị Diệu L1, sinh năm 2005; vắng mặt.
4. Cháu Vũ Linh N, sinh năm 2007; vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố G, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Người kháng cáo:*** Người khởi kiện ông Vũ Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự, nội dung vụ án tóm tắt như sau:

- *Người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:*

Năm 1990, ông Vũ Văn L mua của anh Lê Hồng T và chị Nguyễn Thị Minh K 400m^2 đất tại địa chỉ tổ dân phố G, phường L (nay là phường Đ), thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; có viết "giấy chuyển nhượng đất" và có chữ ký của hai bên; gia đình ông L đã xây dựng tường bao quanh thửa đất. Sau khi được sự đồng ý của Uỷ ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường Đ thì ông L đã xây dựng 01 xưởng sửa chữa ô tô có diện tích khoảng 100m^2 trên thửa đất.

Sau đó ông L nhận được Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022 của Phó Chủ tịch UBND thành phố V về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả về 03 hành vi vi phạm hành chính sau:

1. Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừmg đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn, cụ thể: Chiếm 405,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác để xây dựng nhà, tại thửa đất số 155, 185, 186, tờ bản đổ số 18 thuộc thôn C, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Chiếm 217,7m² đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn để xây dựng nhà và làm sân vườn tại thửa đất số 159, 160, 161, 162, tờ bản đồ số 18 thuộc thôn C, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn, cụ thể: Chiếm 145,1m² đất giao thông do UBND phường Đ quản lý để xây dựmg nhà và làm sân vườn tại thửa đất số 172, tờ bản đồ số 18 thuộc thôn C, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là: Làm thay đổi tình trạng ban đầu của đất.

Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm.

Việc Phó Chủ tịch UBND thành phố V ra Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022 là trái quy định pháp luật vì thửa đất là do ông L mua hợp pháp của anh T và chị K, gia đình ông L sử dụng đất ổn định, không tranh chấp với ai, không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt hay giải tỏa, quy hoạch, đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước là đã đóng thuế nhà, đất hàng năm qua Biên lai thu thuế nhà, đất ngày 18/07/2006. Việc UBND thành phố V yêu cầu ông L phải khôi phục lại tình trạng đất ban đầu và trả lại diện tích đất đã chiếm gây ảnh hưởng đến

quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông L.

Ngày 19/04/2023, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 929/QĐ-ĐC đính chính Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022 đã vi phạm về hình thức ban hành quyết định hành chính theo quy định tại điểm b khoản l, khoản 3 Điều 13 Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính nên ngày 11/01/2024, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 87/0Đ-SĐBSHB sửa đổi Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022.

Do đó, ông Vũ Văn L khởi kiện yêu cầu: Tuyên hủy Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022, hủy Quyết định số 929/QĐ-ĐC ngày 19/4/2023 và xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 87/0Đ-SĐBSHB ngày 11/01/2024.

- Người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố V do người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Ngày 30/12/2021, Tổ công tác của UBND phường Đ tiến hành kiểm tra công trình đang xây dựng trên thửa đất số 185, 186, và một phần thửa đất 155 tờ bản đồ số 18 thuộc khu vực Chùa H2, phường Đ, thành phố V phát hiện ông Vũ Văn L đang xây dựng công trình nhà cấp IV trên diện tích đất 900m^2 (kích thước 30m x 30m); quá trình làm việc ông Lương nhận là chủ công trình xây dựng.

Ngày 12/01/2022, UBND phường Đ tiếp tục làm việc với ông L, yêu cầu cung cấp giấy tờ chứng minh về quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng nhưng ông L chỉ cung cấp được hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà ở giữa ông Lê Hồng T, bà Nguyễn Thị Minh K với ông Lương ghi ngày 02/6/1990, có xác nhận của T1 khu ngày đó là ông Nguyễn Văn C. Tổ công tác đã yêu cầu ông L phải hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ, giấy tờ liên quan đến quyền sử dụng đất và xây dựng công trình nói trên.

Do ông L không thực hiện theo yêu cầu nên ngày 01/4/2022 UBND phường Đ đã lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông L do đã có hành vi vi phạm hành chính: Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3, điểm a khoản 4, Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019. Ngày 05/4/2022, UBND phường Đ tiến hành giao Biên bản vi phạm hành chính nhưng ông L không nhận nên đã tiến hành niêm yết công khai tại công trình vi phạm, Nhà văn hóa C1. Ngày 01/6/2022, UBND phường Đ tiếp tục có Văn bản số 147/UBND-ĐC gửi ông L thông báo lịch làm việc vào lúc 08h00 ngày 06/6/2022 tại công trình vi phạm nhưng ông L không đến làm việc theo yêu cầu.

Căn cứ hồ sơ, tài liệu quản lý tại địa phương, lúc 14h30 phút ngày 13/6/2022, UBND phường Đ đã lập Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính đối với ông L, do đã có các hành vi vi phạm:

+ Chiếm đất nông nghiệp không phải là đất trồng lúa, đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất tại khu vực nông thôn, cụ thể: Chiếm 405,2m^2 đất trồng cây hàng năm khác để xây dựng nhà, tại thửa đấ số 155, 185, 186, tờ bản đồ số 18 thuộc thôn C, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/1 1/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

+ Chiếm 217,7m² đất nông nghiệp là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn để xây dựng nhà và làm sân vườn, tại thửa đất số 159, 160, 161, 162, tờ bản đổ số 18 thuộc thôn C, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

+ Chiếm đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn, cụ thể: Chiếm 145,1m² đất giao thông do UBND phường Đ quản lý để xây dựng nhà và làm sân vườn tại thửa đất số 172, tờ bản đổ số 18 thuộc thôn C, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định số 91/2019/ND-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ đề nghị của Chủ tịch UBND phường Đ tại Tờ trình số 206/TTr UBND ngày 15/9/2022; đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1324/TTr-TNMT ngày 05/12/2022; ý kiến thẩm định của phòng Tư pháp thành phố tại Phiếu trình ngày 05/12/2022; Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 3822/QD-KPHQ ngày 09/12/2022, buộc ông L phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính như đã nêu trong Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc ngày 13/6/2022.

Do sơ xuất trong quá trình soạn thảo đã ghi nhầm phần thẩm quyền ban hành quyết định, cụ thể: Tại phần ghi về "THẨM QUYỀN BAN HÀNH" của Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022 theo quy định phải ghi là "CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ VĨNH YÊN" nhưng lại ghi là "PHÓ CHỦ TỊCH UBND THÀNH PHỐ VĨNH YÊN" nên Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 929/QĐ-ĐC ngày 19/4/2023 đính chính Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/01/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thì thửa đất vi phạm có sự thay đổi nên Chủ tịch UBND phường Đ đã có Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 10/01/2024; phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 15/TTI-TNMT ngày 11/01/2024; phòng Tư pháp thành phố có ý kiến thẩm định tại Phiếu trình ngày 11/01/2024 nên ngày 11/01/2024 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 87/QĐ-SĐBSHB sửa đổi Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022 là thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền quy định của pháp luật; đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND phường Đ do người đại diện trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của UBND thành phố V và trình bày bổ sung: Tại thời điểm năm 2021, 2022 khi UBND phường Đ Biên bản làm việc và Biên bản vi phạm hành chính thì toàn bộ công trình ông L xây dựng vi phạm nằm phía bên trong các hàng rào được dựng bằng tôn cao nên UBND phường không thể tiến hành đo đạc được các công trình vi phạm mà chỉ có thể đo đạc theo hiện trạng tôn được quây bên ngoài như Biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính số 19/BB-XM lập ngày 13/6/2022.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ đối với vị trí thửa đất vi phạm của ông L do Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc thực hiện thì diện tích, vị trí thửa đất vi phạm có thay đổi nên Chủ tịch UBND phường Đ đã có Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 10/01/2024 đề nghị Chủ tịch UBND thành phố V sửa đổi Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022; đề nghị để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Lan A, cháu Vũ Thị Diệu L1, cháu Vũ Linh N có đơn trình bày:

Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn L và xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Minh K trình bày:

Năm 1990, chồng bà là ông Lê Hồng T (nay đã chết) có bán cho ông L một phần diện tích đất; nguồn gốc đất là của bố mẹ chồng, không có giấy tờ; diện tích và giá bán đất không nhớ; bà xác định là chữ ký của ông T và của bà trong "giấy chuyển nhượng" là đúng. Bà xác định đất đã bán, bà không có tranh chấp, ông L xây nhà bị xử phạt như thế nào bà không liên quan, không có ý kiến gì về việc UBND thành phố xử phạt ông L và xin xét xử vắng mặt.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn L về việc đề nghị Tòa án tuyên hủy các quyết định: Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Phó Chủ tịch UBND thành phố V về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 929/QĐ-ĐC của Chủ tịch UBND thành phố V ngày 19/4/2023 đính chính Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng

cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 23/01/2024, người khởi kiện ông Vũ Văn L có đơn kháng cáo (đơn do người đại diện theo uỷ quyền làm) với nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn L.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện giữ nguyên đơn kháng cáo và trình bày: Việc lập Biên bản vi phạm hành chính của UBND phường Đ đối với ông L là không đúng và hồ sơ quản lý đất tại các thửa đất của ông L thuộc thôn C nhưng ông H1 là trưởng thôn Đậu lại tham gia lập Biên bản vi phạm hành chính là không đúng. Việc lập biên bản vi phạm không được UBND phường Đ thực hiện tại thực địa mà được đánh máy sẵn nơi khác nên phải ban hành văn bản số 87 sửa đổi do xác định diện tích đất vi phạm không đúng thực tế. Như vậy, việc lập biên bản là không đúng đối tượng, không đúng diện tích và không đúng thành phần tham gia lập biên bản vi phạm. Ngoài ra, Biên bản vi phạm hành chính thể hiện ông L có vi phạm tại 03 thửa đất là các thửa số 155, 185, 186 nhưng tại Biên bản xác minh tình tiết sự việc lại xác định ông L có vi phạm đối với 07 thửa là các thửa 155, 160, 161, 162, 186, 172, 185. Ông L bị lập biên bản và xác định có 03 hành vi lấn chiếm đất là lấn chiếm đất giao thông, đất nông nghiệp, đất trồng cây hàng năm nhưng UBND phường Đ không đưa ra được tài liệu, căn cứ, chứng minh để xác định loại đất của các thửa đất cho rằng ông L có vi phạm nêu trên. Việc ông L mua đất của vợ chồng bà K là đúng thực tế và hợp pháp, có giấy tờ mua bán rõ ràng và vợ chồng bà K đều thừa nhận việc mua bán, đất có nguồn gốc là của gia đình bà K khai hoang, kể từ khi mua đất năm 1990 cho đến khi bị lập biên bản vi phạm ông L sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai, không bị cơ quan Nhà nước nào xử phạt vi phạm hành chính, gia đình ông L đã nộp thuế đối với các thửa đất này từ năm 1990 đến năm 2006, được thể hiện ở Biên lai thu thuế nhà, đất số 007847 ngày 18/7/2006 nên việc ông L sử dụng và xây các công trình trên đất là hợp pháp. Bản án sơ thẩm xử bác các yêu cầu khởi kiện của ông L là không đúng nên đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để xét xử lại.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Kháng cáo của ông Vũ Văn L do người đại diện làm là đúng, trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác kháng cáo của ông Vũ Văn L, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Vũ Văn L do người đại diện theo uỷ quyền làm là đúng pháp luật, đơn kháng cáo là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính và người kháng cáo đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên toà phúc thẩm vắng mặt người khởi kiện có kháng cáo nhưng có mặt người đại diện theo uỷ quyền; người bị kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có người có đơn xin xét xử vắng mặt, những người khác đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên toà và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.3] Ngày 22/12/2022 ông Vũ Văn L có đơn khởi kiện Quyết định số 3822/0Đ-KPHQ ngày 09/12/2022 của Phó Chủ tịch UBND thành phố V, Quyết định số 929/QĐ-ĐC ngày 19/4/2023 của Chủ tịch UBND thành phố V và yêu cầu xem xét tính hợp pháp của Quyết định số 87/QĐ-SĐBSHB ngày 11/01/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V; đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Do đó, bản án sơ thẩm xác định đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 6, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều l16 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thẩm quyền, hình thức, trình tự thủ tục ban hành các quyết định bị kiện:

- Về thẩm quyền: Phó Chủ tịch UBND thành phố V ký thay Chủ tịch ban hành Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022 là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 38, 57, 68, 70, 78, 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020; Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ, sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; tài nguyên nước và khoáng sản; khí tượng thủy văn; đo đạc và bản đồ và Quyết định giao quyền số 3173/QĐ-GQXP ngày 20/10/2021 của Chủ tịch UBND thành phố V về giao quyền xử phạt hành chính. Tại quyết định này có sai sót tại

phần ghi về thẩm quyền ban hành nhưng đây là lỗi do kỹ thuật soạn thảo văn bản nên Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 929/QĐ-ĐC đính chính là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/11/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

- Về hình thức: Các quyết định bị kiện được ban hành theo đúng mẫu được ban hành kèm theo Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

- Về trình tự, thủ tục: Ngày 3012/2021, UBND phường Đ làm việc về việc kiểm tra công trình xây dựng của ông L; ngày 01/4/2022 lập Biên bản vi phạm hành chính số 09/BB-VPHC; khi lập biên bản vi phạm hành chính ông L có mặt nhưng không ký vào biên bản; ngày 05/4/2022, UBND phường Đ giao Biên vi phạm hành chính nhưng ông L không nhận nên ngày 06/4/2022 UBND phường Đ đã tiến hành niêm yết công khai tại cửa công trình vi phạm của ông L và tại Nhà Văn hóa thôn C1. Do hành vi vi phạm hành chính của ông L đã hết thời hiệu ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi bổ sung năm 2020 nên ngày 09/12/2022 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông L là đúng pháp luật. Tại thời điểm năm 2021, 2022 khi UBND phường Đ Biên bản làm việc và Biên bản vi phạm hành chính đối với ông L thì toàn bộ công trình vi phạm được xây dựng nằm phía bên trong, bên ngoài được dựng bằng các hàng rào tôn cao nên UBND phường không tiến hành đo đạc được các công trình vi phạm mà chỉ đo đạc theo hiện trạng tôn được quây bên ngoài. Sau khi Toà án cấp sơ thẩm xem xét thẩm định, Chủ tịch UBND phường Đ đã có Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 10/01/2024 đề nghị Chủ tịch UBND thành phố V sửa đổi Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Vũ Văn L do đã có hành vi vi phạm hành chính là đúng trình tự, thủ tục.

[2.2] Về nội dung ban hành các quyết định hành chính bị kiện:

Tại Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V đã buộc ông L phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả: Khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm với tổng diện tích 768m^2, gồm: Thửa 155, 185, 186, 159, 160, 161, 162, 172 tờ bản đồ số 18 tại TDP C, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên bản đồ 299 lập năm 1987 thể hiện thể hiện các diện tích đất ông L2 đang sử dụng là thửa số 118, 121, 122, tờ bản đồ số 11 là đất nông nghiệp (trong đó thửa số 118 tương ứng với thửa số 159; thửa số 121, 122 tương ứng với thửa số 160, 161, 162 đều thuộc tờ bản đồ số 18, bản đồ VN 2000). Các phần đất còn lại ông L đang sử dụng gồm các thửa

155, 172, 185, 186 trước đây trên bản đồ 299 được xác định là đất đồi, nay một phần đất đồi được xác định là đất trồng màu thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 18, bản đồ VN 2000. Đối với thửa số 172, tờ bản đồ số 18, bản đồ VN 2000 là đất giao thông do UBND phường Đ quản lý. Tại sổ mục kê lập ngày 02/4/2000 xác định thửa số 118, 121, 122 là đất nông nghiệp quỹ I do phường Đ xâm canh.

Tại Quyết định 87/QĐ-SĐBSHB ngày 11/01/2024 về việc sửa đổi Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V đã buộc ông L phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả: Khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm với tổng diện tích 501,2m^2 của các thửa đất: Thửa số 155, 185, 186, 160, 161, 172 tờ bản đồ số 18 tại TDP C, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc. Trên bản đồ 299 lập năm 1987 thể hiện các thửa đất ông L đang sử dụng thuộc các thửa đất số 121 và đất đồi thuộc tờ bản đồ số 11; cụ thể: Thửa đất số 160; 161 tương ứng với thửa 121; các thửa đất còn lại ông L đang sử dụng 155, 172, 185, 186 trước đây trên bản đồ 299 được xác định là đất đồi, nay một phần đất đồi được xác định là đất trồng màu thuộc thửa 155, tờ bản đồ số 18, bản đồ VN 2000. Thửa số 172, tờ bản đồ số 18, bản đồ VN 2000 là đất giao thông do UBND phường Đ quản lý. Tại sổ mục kê lập ngày 02/4/2000 xác định thửa số 121 là đất nông nghiệp quỹ I do phường Đ xâm canh.

Gia đình ông L sử dụng đất không có GCNQSDĐ, không có giấy tờ khác về quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Hồ sơ địa chính lưu giữ tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đo đạc qua các thời kỳ thể hiện thửa đất số 155, 185, 186 là đất trồng cây hàng năm khác do UBND phường Đ quản lý; thửa đất số 161 là đất trồng lúa tại khu vực nông thôn, đây là đất do công dân phường Đ xâm canh (đất trồng lúa của hộ dân phường Đ được giao từ những năm 1990, 1993) nhưng do việc canh tác không hiệu quả nên các hộ đã không canh tác, về bản chất và nguồn gốc vẫn là đất trồng lúa được giao cho các hộ dân phường Đ; thửa đất số 172 là đất phi nông nghiệp tại khu vực nông thôn (đất giao thông) do UBND phường Đ quản lý. Các thửa đất ông L đang sử dụng đều thuộc tờ bản đồ số 18, bản đồ 2002, thể hiện tại trang số 82, sổ mục kê đất quyển 01 nên ngày 01/4/2022, UBND phường Đ Biên bản vi phạm hành chính và Biên bản xác minh tình tiết sự việc ngày 06/6/2022, xác định hộ ông L có hành vi "Chiếm đất" quy định tại điểm a khoản 2, điểm b khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 14 Nghị định 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Do đã hết thời hạn ra quyết định xử phạt nên hành vi vi phạm hành chính của ông L thuộc trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 1 Điều 65 Luật xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020 nên ngày 09/12/2022 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Vũ Văn L; biện pháp thực hiện: Buộc khôi phục lại tình trạng

ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã chiếm là giải quyết đúng hành vi vi phạm, đúng các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 08/01/2024 do Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện thì tổng diện tích đất ông L sử dụng là 501,2m², chênh lệch so với diện tích vi phạm mà UBND phường Đ biên bản vi phạm là 768m^2 – 501,2m² = 266,8m^2; nguyên nhân chênh lệch diện tích đất vi phạm là do khi UBND phường Định Trung đo vẽ hiện trạng vi phạm thì gia đình ông L đã quây tôn để xây dựng các công trình, ông L không phối hợp làm việc để đo đạc xác định diện tích vi phạm; đồng thời tại thời điểm lập hồ sơ xử lý vi phạm, ông L đang xây dựng phần móng, chưa hoàn thiện nên diện tích đo đạc có sự thay đổi so với hiện trạng sử dụng của hộ ông L tại thời điểm xem xét tại chỗ nên việc UBND phường Đ căn cứ vào mảng trích đo hiện trạng sử dụng đất được đo vẽ ngày 02/6/2022 do Công ty TNHH Đ thực hiện để xác định diện tích đất vi phạm là không chính xác. Sau khi có kết quả xem xét thẩm định, Chủ tịch UBND phường Đ có Tờ trình số 14/TTr-UBND ngày 10/01/2024 và Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định 87/QĐ-SDBSHB sửa đổi Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022 của Chủ tịch UBND thành phố V là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi, bổ sung năm 2020; Điều 14 Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Quá trình giải quyết vụ án, ông L và người đại diện theo uỷ quyền trình bày cho rằng diện tích các thửa đất gia đình ông L đang sử dụng thuộc phường L không thuộc phường Đ quản lý; thửa đất gia đình ông L sử dụng là mua hợp pháp của vợ chồng ông T, bà K từ năm 1990, việc chuyển nhượng được thể hiện bằng giấy viết tay, gia đình ông đã sử dụng các thửa đất trên ổn định và nộp thuế từ năm 1990 đến năm 2006, được thể hiện ở Biên lai thu thuế nhà, đất số 007847 ngày 18/7/2006 nên việc gia đình ông L sử dụng và xây các công trình trên đất là hợp pháp. Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm thì diện tích đất gia đình ông L đang sử dụng theo Bản đồ địa giới hành chính 364 là thuộc địa giới phường Đ, không thuộc địa giới phường L; hộ ông T, bà K chưa được cấp GCNQSDĐ đối với bất kỳ thửa đất nào; Biên lai thu thuế nhà, đất số 007847 ngày 18/7/2006 là của phường L, không phải của phường Đ và nội dung trong biên lai không thể hiện thu thuế của thửa đất nào nên không có cơ sở xác định là biên lai thu thuế của các thửa đất mà ông L đang sử dụng và bị xử phạt vi phạm hành chính; tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền không có tài liệu, chứng cứ gì mới xuất trình nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Như vậy, việc Chủ tịch UBND thành phố V ban hành các Quyết định số

3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022, Quyết định số 929/QĐ-ĐC ngày 19/4/2023 và Quyết định số 87/QĐ-SĐBSHB ngày 11/01/2024 sửa đổi Quyết định số 3822/QĐ-KPHQ ngày 09/12/2022 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung. Bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn L là có cơ sở và đúng pháp luật.

[3] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Vũ Văn L; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên ông Vũ Văn L phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

[5] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾTĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện là ông Vũ Văn L; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2024/HC-ST ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Về án phí: Ông Vũ Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm; được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Biên lai nộp tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0007315 ngày 21 tháng 02 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Cục THADS tỉnh Vĩnh Phúc;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HSVA, VP, HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tiến Dũng